

Số: 941 /TB-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc nộp học phí học kỳ II năm học 2018-2019 đối với học viên Sau đại học

Kính gửi:

- Viện Đào tạo Sau đại học
- Học viên Sau đại học toàn Trường

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-ĐHHHVN ngày 18/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc quy định mức học phí năm học 2018-2019;

Nhà trường yêu cầu các học viên Sau đại học khẩn trương nộp học phí, kinh phí đào tạo kỳ II năm học 2018-2019 về Trường trước ngày 10/12/2018 (chi tiết theo danh sách học viên đính kèm).

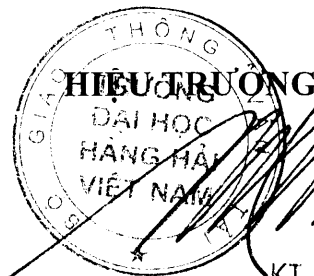
Học viên có thể chuyển khoản về Trường Đại học Hàng hải Việt Nam theo số tài khoản: 3714.0.1055675 mở tại: Kho bạc Nhà nước Hải Phòng hoặc nộp tiền trực tiếp tại phòng số 109 tầng 1 nhà A1, số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng (buổi sáng từ 7h30 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Sau ngày 10/12/2018, Phòng Kế hoạch – Tài chính thống kê danh sách học viên chưa nộp học phí gửi Viện Đào tạo Sau đại học để xử lý theo quy định hiện hành.

Ban Giám hiệu đề nghị Viện Đào tạo Sau đại học thông báo tới các học viên; đôn đốc, nhắc nhở học viên hoàn thành nộp học phí, kinh phí; yêu cầu các học viên nghiêm túc thực hiện thông báo này.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như trên;
- Lưu VT, Phòng KH-TC.



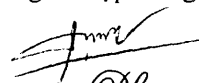
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Xuân Dương

THÔNG BÁO DANH SÁCH HV NCS ĐẾN HẠN ĐÓNG HỌC PHÍ KỲ II NĂM HỌC 2018-2019

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
	Khóa 2015 đợt 1				0		
1	Phạm Văn Triệu (911)	KTCKĐL	78.500.000		67.500.000	11.000.000	Hết 8 kỳ học phí
2	Phạm Văn Việt	KTCKĐL	78.500.000		67.500.000	11.000.000	
3	Hoàng Thị Lịch	TCQLVT	78.500.000		67.500.000	11.000.000	
	Khóa 2015 đợt 2				0		
1	Nguyễn Xuân Long	KHHH	68.500.000		57.500.000	11.000.000	Hết 7 kỳ học phí
2	Mai Xuân Hương	KHHH	68.500.000		57.500.000	11.000.000	
3	Cổ Tấn Anh Vũ	KHHH	68.500.000		57.500.000	11.000.000	
4	Lê Đình Dũng	KT BTTT	68.500.000		57.500.000	11.000.000	
5	Lại Huy Thiện	KT BTTT	68.500.000		57.500.000	11.000.000	
6	Nguyễn Văn Võ	KTTT	68.500.000		57.500.000	11.000.000	
7	Đỗ Thanh Tùng	TCQLVT	68.500.000		57.500.000	11.000.000	
8	Nguyễn Văn Đoài	TĐH	68.500.000		57.500.000	11.000.000	
	Khóa 2016 đợt 1						
1	Đặng Hoàng Anh	KHHH	60.000.000		49.000.000	11.000.000	Hết 6 kỳ học phí
2	Nguyễn Đức Học	KHHH	60.000.000		49.000.000	11.000.000	
3	Nguyễn Bình Khương	KHHH	60.000.000		49.000.000	11.000.000	
4	Nguyễn Quang Thành	TCQLVT	60.000.000		49.000.000	11.000.000	
5	Vũ Văn Quang	TĐH	60.000.000		49.000.000	11.000.000	
	Khóa 2016 đợt 2				0		
1	Nguyễn Quang Đạt	KHHH	51.000.000		40.000.000	11.000.000	Hết 5 kỳ học phí
2	Lê Ngọc Lân	TCQLVT	51.000.000		40.000.000	11.000.000	
	Khóa 2017 đợt 1				0		
1	Đặng Quang Việt	KHHH	42.000.000		31.000.000	11.000.000	Hết 4 kỳ học phí
2	Nguyễn Thanh Vân	KHHH	42.000.000		31.000.000	11.000.000	
3	Hoàng Thị Hồng Lan	TCQLVT	42.000.000		31.000.000	11.000.000	
4	Trần Văn Ngọc	TCQLVT	42.000.000		31.000.000	11.000.000	
5	Nguyễn Diệp Dũng	KTĐK&TĐH	42.000.000		31.000.000	11.000.000	
	Khóa 2017 đợt 2				0		
1	Cao Đức Hạnh	KHĐTTĐH	32.000.000		21.000.000	11.000.000	Hết 3 kỳ học phí
	Cộng					264.000.000	

Hải Phòng, ngày 09 tháng 10 năm 2018

Người lập bảng



Phạm Huyền Châm

THÔNG BÁO DANH SÁCH HV CAO HỌC ĐẾN HẠN ĐÓNG HỌC PHÍ KỲ II NĂM HỌC 2018-2019

Khóa 2017 đợt 1

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (4 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
1	Nguyễn Việt Anh	BĐAT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
2	Trần Thị Chang	BĐAT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
3	Nguyễn Quang Huy	BĐAT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
4	Bùi Việt Linh	BĐAT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
5	Trần Đình Minh	BĐAT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
6	Hà Mạnh Hùng	CNTT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
7	Nguyễn Thanh Tuấn	CNTT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
8	Vũ Xuân Chiến	KTBT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
9	Trần Ngọc Đạt	KTBT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
10	Lương Công Thiện	KTBT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
11	Bùi Hữu Tùng	KTBT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
12	Thái Doãn Việt Vượng	KTĐT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
13	Nguyễn Việt Kiên	M&TBTT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
14	Nguyễn Hữu Quế	QLHH	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
15	Đỗ Đức Thuận	QLHH	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
16	Nguyễn Phương Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
17	Phạm Thị Vân Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
18	Chu Khánh Chi	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
19	Trần Kim Cúc	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
20	Phạm Phương Dung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
21	Phùng Thùy Dương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
22	Đinh Thị Thu Hà	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
23	Nguyễn Thị Thu Hằng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
24	Nguyễn Thị Hằng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
25	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
26	Đoàn Văn Huân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
27	Phùng Thị Thu Hương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
28	Hoàng Trung Kiên	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
29	Nguyễn Duy Kiệt	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
30	Bùi Thị Liên	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
31	Nguyễn Thị Nga	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
32	Nguyễn Văn Quang	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
33	Phạm Hữu Tài	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
34	Nguyễn Tiến Thành	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
35	Nguyễn Thị Thu Trang	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
36	Phạm Thị Thúy Vân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
37	Nguyễn Thị Hải Yến	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
38	Nguyễn Kiên Trung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
39	Bùi Thị Cẩm Vân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
40	Vũ Duy An	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
41	Nguyễn Thị Vân Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
42	Vũ Trần Tú Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
43	Nguyễn Thị Lan Chi	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
44	Đoàn Thị Phương Dung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
45	Nguyễn Thị Phương Hà	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
46	Phan Nguyễn Việt Hào	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
47	Nguyễn Thị Thanh Hiền	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (4 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
48	Lê Công Hoat	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
49	Nguyễn Thị Liên	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
50	Vũ Thị Phương Liên	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
51	Đặng Thị Thùy Linh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
52	Đặng Anh Minh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
53	Nguyễn Thị Minh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
54	Đoàn Văn Nam	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
55	Nguyễn Duy Nam	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
56	Nguyễn Giang Nam	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
57	Đỗ Duy Nghĩa	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
58	Hoàng Văn Thắng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
59	Đặng Thị Ngọc Thùy	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
60	Nguyễn Trọng Tú	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
61	Trần Anh Tú	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
62	Nguyễn Thanh Tùng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
63	Trương Thị Vân Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
64	Bùi Xuân Cảnh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
65	Lê Ngọc Cường	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
66	Nguyễn Lương Cường	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
67	Lê Thị Mỹ Dung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
68	Nguyễn Đức Dương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
69	Vũ Thị Đào	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
70	Đoàn Minh Đức	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
71	Trần Thị Hồng Hạnh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
72	Nguyễn Thị Thu Hiền	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
73	Phạm Văn Hiệp	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
74	Phạm Quang Hoà	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
75	Nguyễn Huy Hoàng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
76	Vũ Thị Thu Huyền	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
77	Nguyễn Thị Cẩm Lai	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
78	Vũ Thị Phương Liên	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
79	Hoàng Hải Long	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
80	Bùi Thị Phương Mai	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
81	Nguyễn Thị Mên	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
82	Phạm Thị Miên	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
83	Trần Thị Thanh Nhân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
84	Lê Thị Mai Phương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
85	Nguyễn Thị Thu Phương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
86	Lê Tiến Thọ	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
87	Phạm Thị Thúy	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
88	Nguyễn Thị Thủy	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
89	Tường Duy Trung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
90	Đoàn Anh Tuấn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
91	Bùi Văn Vương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
92	Nguyễn Duy Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
93	Phùng Thị Phương Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
94	Nguyễn Đức Công	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
95	Phạm Ngọc Cường	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
96	Bùi Đình Dậu	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (4 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
97	Đặng thị Bích Diệp	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
98	Bùi Thị Thúy Dịu	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
99	Nguyễn Văn Dũng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
100	Trần Đại Dương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
101	Phạm Văn Đức	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
102	Trần Thị Hà	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
103	Vũ Thu Hà	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
104	Ngô Thu Hằng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
105	Phạm Thị Hạnh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
106	Trần Thị Hồng Hạnh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
107	Nguyễn Đình Hào	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
108	Nguyễn Thị Hè	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
109	Đào Đức Hoàn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
110	Phạm Trần Hùng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
111	Bùi Quốc Hưng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
112	Nguyễn Văn Hưng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
113	Đào Thị Thanh Hường	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
114	Đỗ Thị Thanh Huyền	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
115	Đinh Thị May	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
116	Phạm Nguyễn Ngọc Nhi	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
117	Vũ Thị Oanh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
118	Phạm Đức Sơn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
119	Vũ Duy Tân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
120	Hoàng Trung Thành	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
121	Đào Thị Thơm	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
122	Nguyễn Thị Diệu Thùy	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
123	Nguyễn Bảo Trung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
124	Phạm Quang Trung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
125	Lê Thanh Tùng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
126	Nguyễn Thị Vân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
127	Lê Phúc Hùng Anh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
128	Cam Quốc Bình	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
129	Ôn Tấn Chí	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
130	Bạch Quang Cường	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
131	Châu Đại Dương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
132	Lê công Hải	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
133	Trần Đức Hân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
134	Nguyễn Trung Hiếu	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
135	Trần Thị Kim Huệ	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
136	Diệp Tuấn Lộc	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
137	Võ Thanh Lộc	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
138	Nguyễn Thị Ngọc Minh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
139	Nguyễn Hoàng Đức Nhân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
140	Đinh Võ Hoàng Phong	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
141	Phạm Ngọc Phương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
142	Trần Thị Kim Phương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
143	Võ Ngọc Phương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
144	Huỳnh Trung Sơn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
145	Lê công Thành	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (4 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
146	Trần Công Thịnh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
147	Nguyễn Thị Thu Thủy	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
148	Phạm Thị Mai Trinh	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
149	Nguyễn Hoàng Kiên Trung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
150	Nguyễn Quốc Trung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
151	Nguyễn Minh Tuấn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
152	Phạm Trương Anh Tuấn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
153	Nguyễn Văn Tung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
154	Nguyễn Thị Thanh Xuân	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
155	Nguyễn Trần Anh Dũng	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
156	Lê Hữu Đức	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
157	Châu Bá Hải	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
158	Trần Minh Hiếu	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
159	Lê Bảo Huy	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
160	Nguyễn Phong Nhã	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
161	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
162	Lê Hoàng Sơn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
163	Đậu Thị Thương	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
164	Trần Ngọc Tình	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
165	Nguyễn Phạm Anh Tuấn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
166	Nguyễn Thanh Tuấn	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
167	Phan Thị Bích Tuyền	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
168	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	QLKT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
169	Trần Thị Thu Hà	TCQLVT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
170	Đồng Thúy Hằng	TCQLVT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
171	Lê Thu Hạnh	TCQLVT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
172	Trần Thị Thùy Linh	TCQLVT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
173	Vũ Thị Thu Việt	TCQLVT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
174	Nguyễn Văn Kiên	TĐH	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
175	Đoàn Trung Đức	XDCT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
176	Nguyễn Đức Hải	XDCT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
177	Đào Thị Thu Hiền	XDCT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
178	Trần Ngọc Sơn	XDCT	25.000.000		18.500.000	6.500.000	
	Cộng					1.157.000.000	

Hải Phòng, ngày 09 tháng 10 năm 2018

Người lập bảng



Phạm Huyền Châm

THÔNG BÁO DANH SÁCH HV CAO HỌC ĐẾN HẠN ĐÓNG HỌC PHÍ KỲ II NĂM HỌC 2018-2019
Khóa 2017 đợt 2

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (3 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
1	Ngô Quang Linh	KTBT TT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
2	Nguyễn Hải Triều	KTBT TT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
3	Vũ Quang Vinh	KTĐT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
4	Nguyễn Hữu Chính	KTTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
5	Nguyễn Anh Tuấn	QLHH	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
6	Hoàng Thế Toàn	TCQLVT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
7	Vũ Anh Tuấn	TCQLVT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
8	Lương Trung Hiếu	TĐH	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
9	Nguyễn Trọng Phú	TĐH	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
10	Trần Đình Huy	CNTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
11	Vũ Kim Khải	CNTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
12	Phạm Hồng Vân	CNTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
13	Lương Trung Tâm	M & TBTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
14	Hoàng Văn Đạt	XDCTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
15	Nguyễn Duy Hưng	XDCTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
16	Phạm Thanh Tùng	XDCTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
17	Lưu Vạn Vinh	XDCTT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
18	Bùi Thị Lan Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
19	Bùi Thị Ngọc Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
20	Lương Thị Hà Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
21	Nguyễn Thùy Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
22	Nhữ Việt Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
23	Phạm Thế Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
24	Phạm Tuấn Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
25	Trần Tuấn Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
26	Trương Thị Tuấn Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
27	Vũ Thị Ngọc Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
28	Vũ Văn Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
29	Vũ Văn Anh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
30	Nguyễn Thanh Ba	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
31	Đào Thị Thanh Bình	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
32	Phạm Thanh Bình	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
33	Lê Xuân Chung	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
34	Bùi Mạnh Cường	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
35	Nguyễn Hải Cường	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
36	Trần Hùng Cường	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
37	Vũ Hoàng Diệu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
38	Bùi Thị Kim Dung	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
39	Ngô Thùy Dung	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
40	Phạm Ngọc Phương Dung	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (3 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
41	Trần Phương Dung	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
42	Nguyễn Việt Dũng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
43	Trần Anh Dũng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
44	Đặng Văn Duy	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
45	Phạm Ngọc Duy	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
46	Đoàn Thị Phúc Duyên	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
47	Trần Thị Thúy Đào	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
48	Lê Tiến Đạt	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
49	Nguyễn Đình Định	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
50	Hoàng Đức	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
51	Nguyễn Minh Đức	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
52	Nguyễn Thanh Đức	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
53	Trần Đình Anh Đức	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
54	Trần Trung Đức	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
55	Phạm Thị Ngọc Gấm	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
56	Đậu Thị Giang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
57	Đỗ Thị Giang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
58	Nguyễn Thị Thu Giang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
59	Nguyễn Xuân Giang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
60	Dương Mạnh Hà	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
61	Lê Thị Thúy Hà	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
62	Ngô Thu Hà	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
63	Phạm Thái Hà	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
64	Phạm Trường Hà	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
65	Lê Hồng Hải	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
66	Lê Quang Hải	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
67	Nguyễn Xuân Hải	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
68	Phạm Hồng Hải	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
69	Đồng Thị Thu Hằng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
70	Dương Thị Thúy Hằng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
71	Tô Thúy Hằng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
72	Nguyễn Thị Đức Hạnh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
73	Quách Trung Hậu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
74	Lê Trần Hiền	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
75	Bùi Duy Hiệp	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
76	Cao Minh Hiệp	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
77	Phạm Minh Hiếu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
78	Vũ Trọng Hiếu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
79	Vũ Văn Hiệu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
80	Phạm Quang Hòa	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
81	Lê Huy Hoàng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (3 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
82	Ngô Xuân Hoàng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
83	Nguyễn Minh Hoàng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
84	Nguyễn Minh Hoàng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
85	Trần Huy Hoàng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
86	Nguyễn Thị Bích Huệ	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
87	Trần Việt Hùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
88	Đình Quang Hưng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
89	Đỗ Văn Hưng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
90	Nguyễn Việt Hưng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
91	Vũ Quang Hưng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
92	Lương Thị Ngọc Hương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
93	Tô Thị Thu Hương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
94	Trần Ngọc Thu Hương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
95	Ôn Thị Hường	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
96	Nguyễn Quang Huy	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
97	Nguyễn Thị Thúy Huyền	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
98	Phạm Thị Thu Huyền	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
99	Vũ Văn Khánh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
100	Phạm Minh Khuê	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
101	Nguyễn Trung Kiên	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
102	Trần Trung Kiên	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
103	Nguyễn Thị Thúy Lan	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
104	Vũ Mai Lan	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
105	Đào Hương Liên	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
106	Lê Thị Bích Liên	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
107	Phạm Hồng Liên	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
108	Cao Ngọc Linh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
109	Đặng Diệu Linh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
110	Dương Thùy Linh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
111	Nguyễn Diệu Linh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
112	Phạm Khánh Linh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
113	Nguyễn Thị Loan	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
114	Nguyễn Tiến Lộc	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
115	Hoàng Tiến Long	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
116	Nguyễn Thị Lương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
117	Bùi Thế Mạnh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
118	Phạm Vĩnh Mạnh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
119	Chu Đức Minh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
120	Đồng Khánh Minh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
121	Nguyễn Thị Hồng Minh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
122	Nguyễn Văn Minh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	

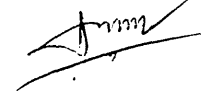
STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (3 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
123	Nguyễn Viết Minh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
124	Phạm Hoàng Minh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
125	Phạm Tuấn Minh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
126	Cao Văn Nam	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
127	Hoàng Ngọc Nam	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
128	Nguyễn Đình Nam	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
129	Chu Thị Bích Nga	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
130	Nguyễn Thị Nga	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
131	Phạm Thị Ngân	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
132	Nguyễn Bích Ngọc	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
133	Trần Bích Ngọc	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
134	Đỗ Thị Hạnh Nguyên	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
135	Hoàng Minh Nguyệt	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
136	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
137	Bùi Thị Thanh Nhã	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
138	Hồ Nguyên Nhật	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
139	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
140	Đỗ Đức Ninh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
141	Vũ Thị Ninh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
142	Phạm Thị Oanh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
143	Phạm Văn Phong	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
144	Nguyễn Thị Phương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
145	Phạm Thị Thu Phương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
146	Trịnh Thị Phương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
147	Vũ Chí Phương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
148	Vũ Đình Phương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
149	Nguyễn Thị Hồng Phượng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
150	Phạm Tiến Quảng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
151	Nguyễn Đức Quốc	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
152	Đỗ Thị Ngọc Quý	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
153	Nguyễn Đức Quyết	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
154	Lê Thúy Quỳnh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
155	Vũ Trúc Quỳnh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
156	Đinh Văn Sinh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
157	Trần Hoàng Sơn	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
158	Nguyễn Văn Tài	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
159	Lê Đức Tâm	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
160	Trần Nam Tấn	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
161	Kim Mạnh Thắng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
162	Phạm Cao Thắng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
163	Nguyễn Thị Phương Thanh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (3 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
164	Phạm Thị Phương Thanh	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
165	Vũ Ngọc Thành	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
166	Đoàn Thị Phương Thảo	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
167	Vũ Thị Phương Thảo	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
168	Đoàn Hải Thơ	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
169	Phùng Thị Kim Thoa	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
170	Bùi Thị Minh Thu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
171	Nguyễn Minh Thu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
172	Nguyễn Ngọc Thu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
173	Nguyễn Thị Thu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
174	Phạm Thị Kim Thu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
175	Phạm Ngọc Anh Thu	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
176	Phạm Văn Thuận	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
177	Bùi Minh Thương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
178	Vũ Thị Thương	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
179	Phạm Thị Thúy	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
180	Vũ Thanh Thùy	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
181	Vũ Minh Tiến	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
182	Nguyễn Huy Toàn	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
183	Bùi Thị Thu Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
184	Giang Thảo Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
185	Lâm Thị Thanh Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
186	Lê Thị Quỳnh Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
187	Nguyễn Minh Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
188	Phạm Thu Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
189	Võ Quỳnh Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
190	Vũ Thị Trang	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
191	Trần Văn Trường	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
192	Hà Thanh Tùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
193	Lê Thanh Tùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
194	Ngô Quang Tùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
195	Nguyễn Duy Tùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
196	Tô Văn Tùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
197	Vũ Sơn Tùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
198	Vũ Thanh Tùng	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
199	Hà Thị Tuyết	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
200	Lê Ánh Tuyết	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
201	Đào Thu Vân	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
202	Quách Thị Vân	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
203	Vũ Thị Anh Vân	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
204	Đặng Thanh Việt	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (3 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
205	Nguyễn Hoàng Việt	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
206	Phạm Xuân Vũ	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
207	Nguyễn Thị Yến	QLKT	19.000.000		12.500.000	6.500.000	
	Cộng					1.345.500.000	

Hải Phòng, ngày 09 tháng 10 năm 2018

Người lập bảng



Phạm Huyền Châm

THÔNG BÁO DANH SÁCH HV CAO HỌC ĐẾN HẠN ĐÓNG HỌC PHÍ KỲ II NĂM HỌC 2018-2019
Khóa 2018 đợt 1

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (2 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
1	Nguyễn Ngọc Anh	BDATHH	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
2	Nguyễn Thanh Liêm	BDATHH	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
3	Thái Anh Minh	BDATHH	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
4	Nguyễn Công Toàn	BDATHH	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
5	Nguyễn Đức Trung	BDATHH	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
6	Nguyễn Thành Công	CNTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
7	Bùi Mạnh Thái	CNTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
8	Trần Văn Thành	CNTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
9	Nguyễn Gia Trí	CNTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
10	Nguyễn Tiến Doanh	KTBT TT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
11	Vũ Hồng Dương	KTBT TT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
12	Phạm Văn Bình	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
13	Đinh Thị Du	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
14	Nguyễn Thu Hiền	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
15	Nguyễn Thị Thanh Hòa	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
16	Nguyễn Thị Huế	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
17	Trần Thị Thu Huyền	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
18	Ngô Phú Kha	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
19	Vũ Thị Thanh Loan	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
20	Đinh Vũ Ngọc Minh	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
21	Nguyễn Thị Thanh Minh	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
22	Nguyễn Thị Nương	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
23	Khổng Minh Tiến	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
24	Nguyễn Mạnh Tuấn	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
25	Lê Trọng Tuấn	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
26	Phạm Lê Thịnh	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
27	Phạm Thị Xuân	KTMT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
28	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
29	Nguyễn Quỳnh Anh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
30	Phạm Thị Thu Hà	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
31	Phạm Minh Hoàng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
32	Đào Thị Phương Thảo	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
33	Đặng Thị Minh Hằng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
34	Quách Trọng Hiếu	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
35	Lê Thị Hương	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
36	Trần Mai Hương	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
37	Nguyễn Thị Thanh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
38	Văn Thị Bích Thùy	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
39	Phạm Thị Hậu	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
40	Hoàng Tú	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
41	Hoàng Mạnh Hiệp	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
42	Trần Thị Mai Hoa	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
43	Nguyễn Thị Kim Hồng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	

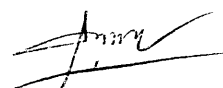
STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (2 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
44	Hoàng Văn Thọ	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
45	Nguyễn Thế Tĩnh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
46	Đoàn Văn Tuấn	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
47	Hoàng Thị Yến	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
48	Đào Đức Chiến	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
49	Nguyễn Đức Hoàn	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
50	Lê Ngọc Hưng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
51	Dư Thị Hương	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
52	Nguyễn Đức Sơn	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
53	Nguyễn Thị Thu Trang	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
54	Phạm Thị Thùy Trang	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
55	Vũ Thị Thu Trang	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
56	Nguyễn Quốc Tuấn	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
57	Phạm Thị Thu Hằng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
58	Lê Nguyễn Anh Vũ	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
59	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
60	Đàm Hà Hoàng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
61	Vũ Công Sơn	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
62	Nguyễn Thế Trung	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
63	Nguyễn Thái Hưng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
64	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
65	Vũ Văn Thắng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
66	Đặng Nguyễn Quỳnh Trang	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
67	Nguyễn Huyền Trang	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
68	Vũ Minh Tuấn	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
69	Nguyễn Hữu Tùng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
70	Phạm Thanh Hà	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
71	Phan Thị Đông Hà	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
72	Vũ Thanh Tùng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
73	Nguyễn Hoàng Việt	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
74	Nguyễn Thị Vân Anh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
75	Vũ Thị Chi	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
76	Đoàn Đình Phi	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
77	Lương Trung Thành	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
78	Đoàn Thị Thùy Vân	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
79	Ngô Thị Phương Thanh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
80	Lưu Đức Dương	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
81	Trần Thị Oanh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
82	Nguyễn Thị Thúy Bình	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
83	Hoàng Văn Long	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
84	Trần Thị Thu Thủy	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
85	Bùi Sơn Trường	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
86	Lê Việt Cường	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
87	Nguyễn Quốc Doanh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
88	Phạm Quang Hải	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (2 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
89	Đoàn Thị Hồng Hạnh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
90	Nguyễn Khánh Linh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
91	Nguyễn Thị Mỹ Linh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
92	Vũ Đức Thanh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
93	Vương Thị Kim Thanh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
94	Lê Thị Thu	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
95	Nguyễn Ngọc Hà	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
96	Triệu Phú	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
97	Phan Thị Thu Trang	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
98	Trần Việt Hoàn	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
99	Trần Quang Khải	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
100	Hoàng Mạnh Linh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
101	Khổng Văn Nghĩa	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
102	Đinh Thị Ngọc	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
103	Vũ Thị Trang Nhung	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
104	Nguyễn Khánh Linh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
105	Phùng Hữu Tâm	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
106	Đỗ Thanh Dân	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
107	Phạm Thị Hà	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
108	Lê Bùi Sơn Lâm	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
109	Trần Hồng Thu	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
110	Cù Tiến Đạt	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
111	Trần Thị Phương Mai	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
112	Vũ Thành Phong	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
113	Nguyễn Tuấn Khả	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
114	Phạm Quốc Khánh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
115	Phùng Quay Năm	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
116	Lê Quang Nhật	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
117	Nguyễn Quang Linh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
118	Vũ Đình Nam	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
119	Mai Thị Hằng Nga	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
120	Trương Thị Thanh Nhân	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
121	Nguyễn Tùng Khánh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
122	Vũ Thị Hoàng Lan	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
123	Phan Thị Hồng Minh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
124	Trần Thị Kim Oanh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
125	Hoàng Tuấn Cường	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
126	Nguyễn Hoàng Ngọc Khánh Linh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
127	Đoàn Hồng Nam	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
128	Khổng Hữu Phước	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
129	Bùi Thanh Tùng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
130	Đinh Công Danh	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
131	Nguyễn Văn Hưng	QLKT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
132	Phan Kiên Trung	TCQLVT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
133	Khoa Sơn Hải	TCQLVT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	

STT	Họ và tên học viên	Ngành	Số tiền phải đóng tính đến kỳ II năm học 2018-2019 (2 kỳ)		Số tiền đã đóng	Số tiền HP phải đóng	Ghi chú
			Học phí	KPĐT			
134	Trịnh Quốc Hưng	TCQLVT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
135	Trần Đức Anh	TCQLVT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
136	Ngô Việt Anh	KTXDCTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
137	Trần Văn Bôn	KTXDCTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
138	Phạm Việt Anh	KTXDCTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
139	Lê Việt Thắng	KTXDCTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
140	Nguyễn Mạnh Hoàn	KTXDCTT	13.000.000		6.500.000	6.500.000	
	Cộng					910.000.000	

Hải Phòng, ngày 09 tháng 10 năm 2018

Người lập bảng



Phạm Huyền Châm

2